

Số: /KH-LTT

Quận 8, ngày 05 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THÁI TỔ
Năm học 2022 - 2023

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Kế hoạch năm học 2022 - 2023 của trường Tiểu học Lý Thái Tổ, Lãnh đạo trường Tiểu học Lý Thái Tổ xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai trong hoạt động năm học 2022-2023 như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai:

Nhằm nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ quản lý và tập thể giáo viên nhà trường ý thức trách nhiệm và tinh thần cộng đồng trong công tác.

Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng tập thể có tình đoàn kết nội bộ tốt.

Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mối đoàn kết trong nội bộ trong trường học.

Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung thực hiện ba công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a. Cam kết chất lượng giáo dục

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

b. Chất lượng giáo dục thực tế

Số học sinh xếp loại theo 3 mặt: Kiến thức, Năng lực, Phẩm chất, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các cuộc giao lưu, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình Tiểu học.

c. Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu.

d. Kiểm định nhà trường

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

a. Cơ sở vật chất

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh bán trú, số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (*theo phụ lục*).

b. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo (*theo phụ lục*).

3. Công khai thu chi tài chính

Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

Công khai các khoản thu khác từ người học: các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức

Công khai trong file tuyển sinh hàng năm của nhà trường.

Công khai trên website: <https://thlythaito.hcm.edu.vn/>

Niem yết công khai tại nhà trường.

Công khai trong các kỳ họp, hội nghị ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

III. Thực hiện kiểm tra

Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của ban chấp hành Công đoàn cơ sở thường xuyên kiểm tra việc phân bổ ngân sách nhà nước cấp chi phục vụ cho công tác dạy và học của nhà trường, kinh phí chi cho hoạt động chuyên môn, kinh phí chi cho mua sắm dụng cụ phục vụ trong nhà trường, kinh phí chi cho việc mua bổ sung tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên...

Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của ban chấp hành Công đoàn cơ sở: Kiểm tra các khoản thu đóng góp tự nguyện của phụ huynh học sinh nộp kịp thời về nhà trường tránh tình trạng để tồn đọng tạ người thu.

Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của ban chấp hành Công đoàn cơ sở: Kiểm tra về chi ngân sách, chế độ cho Cán bộ, giáo viên, nhân viên, chế độ nâng lương và các khoản phụ cấp (nếu có).

Ban thanh tra chuyên môn dưới sự chỉ đạo của ban chấp hành nhà trường kiểm tra chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh theo định kỳ, theo lịch kiểm tra định kỳ trong năm.

IV. Tổ chức thực hiện

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường:

- + Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh.
- + Đưa lên website của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện công khai về chất lượng giáo dục điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2022 - 2023 của trường Tiểu học Lý Thái Tổ./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Quận 8;
- CBGV, NV trong toàn trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Quốc Bảo

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Tổ thực hiện công tác công khai
Trường Tiểu học Lý Thái Tổ năm học 2022-2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THÁI TỔ

Căn cứ Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn Quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công khai trong các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ quyết định số 012/QĐ-UB ngày 06/01/1978 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc thành lập trường PTCS Lý Thái Tổ Quận 8; Quyết định số 1361/QĐ-UB, ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc đổi tên các trường thuộc ngành Giáo dục Quận 8;

Căn cứ năng lực công tác của công chức, viên chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ thực hiện công tác công khai trường tiểu học Lý Thái Tổ năm học 2022–2023 gồm các Ông (bà) (danh sách kèm theo)

Điều 2. Tổ thực hiện công tác công khai có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện công khai trong đơn vị với những nội dung được quy định theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn Quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Điều 3. Các bộ phận công tác có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 ;
- Lưu: VT.



Trần Quốc Bảo

DANH SÁCH
Tổ thực hiện công khai năm học 2022– 2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-LTT ngày 05 tháng 9 năm 2022
của trường Tiểu học Lý Thái Tổ)

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Trần Quốc Bảo	Hiệu trưởng	Tổ trưởng	
2	Huỳnh Thị Minh Tâm	CTCD	Tổ phó	
3	Trần Thị Kim Ngân	TTCM 1	Thành viên	
4	Hà Thị Phương	TTCM 2	Thành viên	
5	Phan Thành Hậu	TTCM 3	Thành viên	
6	Nguyễn Thị Thu Thanh	TTCM 4	Thành viên	
7	Trần Văn Nhân	TTCM 5	Thành viên	
8	Trần Ngọc Tường Huy	TTBM	Thành viên	
9	Nguyễn Thị Diễm Trang	TTVP	Thành viên	

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc kiện toàn Tổ thực hiện công tác công khai
Trường Tiểu học Lý Thái Tổ năm học 2022-2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THÁI TỔ

Căn cứ Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn Qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công khai trong các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ quyết định số 012/QĐ-UB ngày 06/01/1978 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc thành lập trường PTCS Lý Thái Tổ Quận 8; Quyết định số 1361/QĐ-UB, ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc đổi tên các trường thuộc ngành Giáo dục Quận 8;

Căn cứ năng lực công tác của công chức, viên chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Tổ thực hiện công tác công khai trường tiểu học Lý Thái Tổ năm học 2022–2023 gồm các Ông (bà) *(danh sách kèm theo)*

Điều 2. Tổ thực hiện công tác công khai có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện công khai trong đơn vị với những nội dung được quy định theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn Qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Qui chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Điều 3. Các bộ phận công tác có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 ;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Quốc Bảo

DANH SÁCH
Kiện toàn Tổ thực hiện công khai năm học 2022– 2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-LTT ngày 01 tháng 11 năm 2022
của trường Tiểu học Lý Thái Tổ)

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Trần Quốc Bảo	Hiệu trưởng	Tổ trưởng	
2	Huỳnh Phúc Nguyên	P. Hiệu trưởng	Tổ phó	
3	Trần Thị Kim Ngân	TTCM 1	Thành viên	
4	Hà Thị Phương	TTCM 2	Thành viên	
5	Phan Thành Hậu	TTCM 3	Thành viên	
6	Nguyễn Thị Thu Thanh	TTCM 4	Thành viên	
7	Trần Văn Nhân	TTCM 5	Thành viên	
8	Trần Ngọc Tường Huy	TTBM	Thành viên	
9	Nguyễn Thị Diễm Trang	TTVP	Thành viên	

Số: /QĐ-LTT

Quận 8, ngày 05 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về ban hành Quy chế thực hiện công khai của nhà trường
Năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THÁI TỔ

Căn cứ Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn Quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công khai trong các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ quyết định số 012/QĐ-UB ngày 06/01/1978 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc thành lập trường PTCS Lý Thái Tổ Quận 8; Quyết định số 1361/QĐ-UB, ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc đổi tên các trường thuộc ngành Giáo dục Quận 8;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành Quy chế thực hiện công khai trong trường Tiểu học Lý Thái Tổ.

Điều 2. Quy chế này được áp dụng cho các hoạt động công khai của nhà trường theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường tiểu học Lý Thái Tổ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Quốc Bảo

QUY CHẾ
Thực hiện công khai đối với Trường Tiểu học Lý Thái Tổ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-LTT ngày 05 tháng 9 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Lý Thái Tổ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về thực hiện công khai đối với Trường Tiểu học Lý Thái Tổ.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục và điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của đơn vị và xã hội tham gia giám sát và đánh giá cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai của nhà trường phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này.

2. Thông tin được công khai tại các phiên họp và trên bản tin, bảng thông báo theo quy định trong Quy chế này phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

Chương II

THỰC HIỆN CÔNG KHAI

Điều 4: Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường hàng năm, chương trình giáo dục, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức

khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 05).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình cấp Tiểu học (theo Biểu mẫu 06).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (theo Biểu mẫu 07).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (theo Biểu mẫu 08).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà

nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

b) Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

c) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này:

a) Công khai trong các phiên họp đơn vị vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

b) Niêm yết công khai tại bảng thông báo đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Bất cứ lúc nào khi nhà trường hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

2. Đối với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy chế này, nhà trường thực hiện công khai như sau:

a) Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường phát thanh kế hoạch tuyển sinh hàng ngày kết hợp công khai tuyển sinh tại bản tin nhà trường trước khi thực hiện tuyển sinh.

b) Đối với học sinh đang học tại nhà trường: phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của Phó Hiệu trưởng phụ trách chung

1. Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

c) Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban Thanh tra nhân dân, các tổ chức bộ phận trong nhà trường

1. Ban Thanh tra nhân dân:

a) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà; Việc kiểm tra có sự tham gia của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

b) Thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra cho Hiệu trưởng. Thời điểm thông báo không quá 15 ngày sau khi thực hiện kiểm tra.

2. Các tổ chức, bộ phận trong nhà trường:

Tổ chức thực hiện công khai lĩnh vực phụ trách (theo Điều 4 của Quy chế này).

Tạo điều kiện tốt nhất để Ban Thanh tra nhân dân giám sát./.

Số: /QĐ-LTT

Quận 8, ngày 31 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai Quy chế thực hiện công khai trong nhà trường
Năm học 2022-2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THÁI TỐ

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống quốc dân;

Căn cứ Kế hoạch số 175/KH-LTT về việc thực hiện công tác công khai năm học 2022-2023

Theo đề nghị của Tổ thực hiện công khai của trường Tiểu học Lý Thái Tổ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Quy chế thực hiện công khai trong nhà trường Năm học 2022-2023 (có nội dung kèm theo).

Điều 2. Cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường tiểu học Lý Thái Tổ có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 ;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Quốc Bảo

Số: /QĐ-LTT

Quận 8, ngày 31 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai các nội dung công khai
theo TT36/2017/TT-BGD-ĐT trong nhà trường Tiểu học
Cuối năm học 2022-2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THÁI TỔ

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống quốc dân;

Căn cứ Kế hoạch số 276/KH-LTT về việc thực hiện công tác công khai năm học 2022-2023

Theo đề nghị của Tổ thực hiện công khai của trường Tiểu học Lý Thái Tổ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai các nội dung công khai theo TT36/2017/TT-BGDĐT trong nhà trường Tiểu học - Cuối năm học 2022 - 2023 (có nội dung kèm theo).

Điều 2. Cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường tiểu học Lý Thái Tổ có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 ;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Quốc Bảo

BÁO CÁO
SƠ KẾT THỰC HIỆN CÔNG KHAI

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Văn bản số 2593/GDĐT- PC ngày 27/7/2009 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kế hoạch số 276/KH-LTT ngày 05/9/2022 của trường Tiểu học Lý Thái Tổ thực hiện công khai trong hoạt động của đơn vị năm học 2022-2023;

Thực hiện hướng dẫn chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8 nay Trường Tiểu học Lý Thái Tổ báo cáo sơ kết tình hình thực hiện công khai tại đơn vị năm học 2022 - 2023 với các nội dung cụ thể như sau:

1) Việc xây dựng quy chế công khai tại đơn vị:

Đơn vị đã xây dựng quy chế công khai kèm quyết định số 96/QĐ-LTT ngày 05/9/2022 .

2) Các hình thức công khai:

- Thông báo trong buổi họp cha mẹ học sinh (đầu năm học và cuối học kỳ 1)
- Niêm yết công khai tại đơn vị.

3) Thời điểm công khai:

- Cuối học kỳ 1

4) Nội dung công khai:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a/ Cam kết chất lượng giáo dục: Công khai cam kết chất lượng đào tạo đối với các khối lớp; cam kết các điều kiện mà học sinh được thụ hưởng khi vào học tại

trường theo (biểu mẫu số 05 theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 của Bộ GD&ĐT).

b/ Công khai chất lượng giáo dục thực tế: Công khai tỉ lệ học sinh lên lớp năm 2018-2019 theo (biểu mẫu số 06 theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 của Bộ GD&ĐT).

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a/ Cơ sở vật chất: Công khai diện tích sàn xây dựng phục vụ trực tiếp cho quá trình đào tạo theo (biểu mẫu số 07 theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 của Bộ GD&ĐT).

b/ Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Công khai đội ngũ giáo viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn theo (biểu mẫu số 08 theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 của Bộ GD&ĐT).

3. Công khai tài chính:

a/ Thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Quy chế công khai theo Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b/ Các khoản thu theo từng năm học.

c/ Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

d/ Công khai tài chính theo theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 23/03/2005 (đính kèm phụ lục).

Trên đây là báo cáo sơ kết kết quả Công khai theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 của Bộ GD&ĐT năm học 2022 -2023 của Trường Tiểu học Lý Thái Tổ

Nơi nhận:

- PGD&ĐT Q.8;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Quốc Bảo

Số: /BC-LTT

Quận 8, ngày 09 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Quy chế công khai theo
Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2022 – 2023

Thực hiện Thông tư số 36/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Trên cơ sở triển khai thực hiện tại đơn vị, Trường Tiểu học Lý Thái Tổ báo cáo triển khai Thông tư số 36/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo và thực hiện công khai tại cơ sở giáo dục như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO

1. Nhà trường đã ra Quyết định Thành lập tổ thực hiện công tác công khai năm học 2017-2018 đồng thời ban hành Kế hoạch thực hiện Quy chế 3 công khai theo Thông tư số 36/2009/TT-BGDĐT ngay từ đầu năm học.

2. Triển khai toàn bộ nội dung Thông tư số 36/2009/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho toàn thể CC-VC-NLĐ trong cuộc họp Hội đồng sư phạm.

Chỉ đạo cho các bộ phận, thành viên liên quan xác lập số liệu thống kê và công khai trước Hội đồng sư phạm và niêm yết tại bảng công khai cũng như trên trang web của nhà trường.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

- Công tác tuyển sinh đầu vào: Để chuẩn bị cho năm học mới bắt đầu từ cuối tháng 5 nhà trường đã có lịch thông báo nhận hồ sơ tuyển sinh trẻ 6 tuổi vào lớp Một trên bảng tin của nhà trường, gửi các trường Mầm non trên địa bàn Phường 11. Nhà trường đã phối hợp với đài truyền thanh phường thông báo điều kiện tuyển sinh vào lớp Một và những quy định về hồ sơ cho cha mẹ học sinh biết. Đồng thời vận động 100% trẻ 6 tuổi tại địa phương ra lớp để đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi hằng năm.

Phân công giáo viên dạy lớp Một là những giáo viên tận tụy, nhiệt tình để đảm bảo chất lượng giáo dục.

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Công khai kết quả bài kiểm tra và chất lượng giáo dục từng học kì cho cha mẹ học sinh biết. Nhà trường báo cáo kết quả học tập của học sinh trước Ban đại diện cha mẹ học sinh ở mỗi học kì đúng quy định.

c) Mức chất lượng tối thiểu:

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch phấn đấu duy trì mức chất lượng tối thiểu hằng năm.

d) Kiểm định nhà trường:

Hằng năm nhà trường tổ chức đánh giá, rà soát lại các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục để điều chỉnh, bổ sung những hạn chế và phát huy những điểm mạnh phấn đấu đăng kí trường đạt chuẩn đánh giá ngoài chất lượng giáo dục những năm tới.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

a) Cơ sở vật chất

Nhà trường thực hiện công khai điều kiện phục vụ dạy và học nâng cao chất lượng giáo dục như đảm bảo số phòng học 2 buổi/ngày, các phương tiện đồ dùng trang thiết bị hiện có được công khai để giáo viên, học sinh biết và sử dụng có hiệu quả trong giờ dạy và học. (Biểu số 07).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Nhà trường công khai trình độ, năng lực và số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên...(Biểu số 08).

3. Công khai thu chi tài chính

- Nhà trường đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại điểm a, c, d, đ của Khoản 3 Điều 4 của Quy chế.

- Công khai mức thu phí vệ sinh và các khoản thu khác theo từng năm học công khai các khoản chi theo từng năm học (các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo...).

- Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học đầy đủ.

III. HÌNH THỨC CÔNG KHAI

- Các nội dung trên được công khai thông qua các hình thức

+ Thông báo phổ biến thông qua các buổi họp Hội đồng sư phạm, cuộc họp cha mẹ học sinh.

+ Niêm yết công khai tại nhà trường và đăng lên trang web của nhà trường.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI TẠI ĐƠN VỊ

Đơn vị thực hiện báo cáo theo các biểu mẫu (đính kèm).

Trên đây là nội dung và hình thức công khai của Trường Tiểu học Lý Thái Tổ năm học 2022-2023./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT Q8 (b/c);
- Niêm yết tại bảng công khai và Web
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Quốc Bảo

Số: /BC-LTT

Quận 8, ngày 04 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO
TỔNG KẾT THỰC HIỆN CÔNG KHAI
NĂM HỌC: 2022 – 2023

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường tiểu học Lý Thái Tổ đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

I. Quán triệt hệ thống văn bản pháp quy:

- Triển khai đầy đủ nội dung quy chế thực hiện công khai đến toàn thể cán bộ, viên chức trong cuộc họp cơ quan.

- Triển khai hệ thống văn bản liên quan: Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

II. Thực hiện công khai:

1. Nội dung công khai:

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2022 - 2023: Điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình giáo dục, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (*Theo mẫu 05*).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: Công khai số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm 2022 - 2023; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi, số học sinh hoàn thành chương trình lớp học, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học (*Theo mẫu 06*).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: Quyết định thành lập Hội đồng, kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá.

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (Theo mẫu 07).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh và trình độ đào tạo (Theo mẫu 08).

1.3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Lý Thái Tổ công khai tài chính gồm:

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2022- 2023 (Biểu số 05).

- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2022- 2023 (Biểu số 06)

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn NSNN năm 2022 (Biểu số 07).

- Thông báo công khai danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2022-2023. (kèm theo danh sách)

2. Hình thức và thời điểm công khai:

2.1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết thông báo.

- Công khai trên phạm vi toàn thể phụ huynh, nhân dân, cán bộ viên chức, học sinh.... Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo dần thương hiệu của trường về chất lượng.

2.2. Thời điểm công khai:

*** Từ tháng 9/2022:**

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ ngày 23/9/2022.

Riêng dự toán thu chi tài chính 2023 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2023 của UBND Quận.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2022) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng khu phố trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Nơi nhận:

- PGD-ĐT Q8;
- Lưu VP.

**HIỆU TRƯỞNG**
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
LÝ THÁI TỐ
Trần Quốc Bảo

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2022 - 2023

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ sinh năm 2016 trở về trước. (5 lớp)	Trẻ sinh năm 2015 trở về trước. (4 lớp)	Trẻ sinh năm 2014 trở về trước. (4 lớp)	Trẻ sinh năm 2013 trở về trước. (4 lớp)	Trẻ sinh năm 2012 trở về trước. (4 lớp)
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	GDPT 2018	GDPT 2018	GDPT 2018	QĐ 16/2006	QĐ 16/2006
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Cha mẹ học sinh quan tâm, phối hợp với nhà trường. Chăm chỉ, ngoan ngoãn, chủ động, sáng tạo trong học tập.	Cha mẹ học sinh quan tâm, phối hợp với nhà trường. Chăm chỉ, ngoan ngoãn, chủ động, sáng tạo trong học tập.	Cha mẹ học sinh quan tâm, phối hợp với nhà trường. Chăm chỉ, ngoan ngoãn, chủ động, sáng tạo trong học tập.	Cha mẹ học sinh quan tâm, phối hợp với nhà trường. Chăm chỉ, ngoan ngoãn, chủ động, sáng tạo trong học tập.	Cha mẹ học sinh quan tâm, phối hợp với nhà trường. Chăm chỉ, ngoan ngoãn, chủ động, sáng tạo trong học tập.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Buổi hai, bồi dưỡng, phụ đạo, các hoạt động ngoại khóa.	Buổi hai, bồi dưỡng, phụ đạo, các hoạt động ngoại khóa.	Buổi hai, bồi dưỡng, phụ đạo, các hoạt động ngoại khóa.	Buổi hai, bồi dưỡng, phụ đạo, các hoạt động ngoại khóa.	Buổi hai, bồi dưỡng, phụ đạo, các hoạt động ngoại khóa.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Phẩm chất: Đạt 100%; - Năng lực: Đạt 100% - Học tập: Đạt 100% - Sức khỏe: Tốt	- Phẩm chất: Đạt 100%; - Năng lực: Đạt 100% - Học tập: Đạt 100% - Sức khỏe: Tốt	- Phẩm chất: Đạt 100%; - Năng lực: Đạt 100% - Học tập: Đạt 100% - Sức khỏe: Tốt	- Phẩm chất: Đạt 100%; - Năng lực: Đạt 100% - Học tập: Đạt 100% - Sức khỏe: Tốt	- Phẩm chất: Đạt 100%; - Năng lực: Đạt 100% - Học tập: Đạt 100% - Sức khỏe: Tốt
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ khả năng học lớp trên.	Đủ khả năng học lớp trên.	Đủ khả năng học lớp trên.	Đủ khả năng học lớp trên.	Đủ khả năng học lớp trên.

Quận 8, ngày 14 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Trần Quốc Bảo

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2022 - 2023

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	638	145	117	122	122	132
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	638	145	117	122	122	132
III	Số học sinh khuyết tật học hòa nhập*	10	1	2	4	3	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả GD						
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	58.6%	53.8%	68.4%	54.91%		
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	33.5%	46.2%	12.6%	12.1%		
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	27.6%	6.4%	10.5%	10.7%		
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1.1%	1.1%	0.09%	0.0%		
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Số HS hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ so với tổng số)	100%	96.5	100%	100%	100%	100%
	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	63.5%	12.3%	14.1%	12.6%	9.8%	14.7%
	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	12.8%	1.8%	2.4%	2.2%	2.1%	4.3%
2	Số HS chưa hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ so với tổng số)	0.15%	0.85%	0.81%	0	0	0

Lưu ý: Mục IV chỉ dành cho học sinh đánh giá theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020. Những học sinh đánh giá theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 không điền vào mục này.

Quận 8, ngày 14 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Trần Quốc Bảo

UBND QUẬN 8
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THÁI TỔ

Biểu mẫu 2.3

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	21/23	14.33m ² /1 học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	23	3.5m ² /1 học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ, mượn	0	0
III	Số điểm trường lẻ	0	0
IV	Tổng diện tích đất (m²)	4465	7.0m ² /1 học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2188m ²	3.4m ² /1 học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	23	48m ² /phòng
2	Diện tích thư viện (m ²)	1	96m ²
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	0
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	1	48m ²
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	1	96m ²
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	1	96m ²
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	1	24m ²
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	1	24m ²
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	1	24m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	5	5
1.2	Khối lớp 2	4	4
1.3	Khối lớp 3	4	4
1.4	Khối lớp 4	4	4
1.5	Khối lớp 5	4	4
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	5	5
2.2	Khối lớp 2	4	4
2.3	Khối lớp 3	4	4
2.4	Khối lớp 4	4	4
2.5	Khối lớp 5	4	4
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	36	17.7 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	41	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	0.8
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Thiết bị khác...	0	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	96m ²
XI	Nhà ăn	96m ²

	Nội dung	Số lượng phòng	tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0m ²	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	36m ²	2	36m ²	10	180m ²	10	180m ²
2	Chưa đạt chuẩn VS*		0		0		0		0

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 8, ngày 14 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Trần Quốc Bảo

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên, năm học 2022 - 2023

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29	0	1	28	1	0	0	0	3	24	2	15	11	0	0
I	Giáo viên	26	0	0	26	0	0	0	0	2	24	0	13	11	0	0
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	0	0	0	0	0	0	0	0	2	01	0	2	1	0	0
1	Tiếng dân tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Ngoại ngữ	2			2					0	1		1			
3	Tin học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Âm nhạc	1			0						0			0		
5	Mỹ thuật	0			1					1				1		
6	Thể dục	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0
II	Cán bộ quản lý	2			2					2			2			
1	Hiệu trưởng	1		1						1			1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1		1			
III	Nhân viên															
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1		1		
2	Nhân viên kế toán	1			1							1	1			
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	\			
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0				
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				

Quận 8, ngày 14 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Trần Quốc Bảo

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2022-2023 và 02 năm tiếp theo.

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	7/2022 - 6/ 2023	Giáo viên	0	GVTH	0	0

Quận 8, ngày 14 tháng 6 năm 2023



Thủ trưởng đơn vị

Trần Quốc Bảo

Hướng dẫn ghi biểu

- Cột 2: Ghi dự kiến thời gian đào tạo, bồi dưỡng từ tháng/năm đến tháng/năm
- Cột 3: Ghi tên đối tượng tham gia: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ..
- Cột 6: Ghi hình thức đào tạo, bồi dưỡng: Tập trung, vừa học vừa làm, trực tuyến ..
- Cột 7: Ghi trình độ đào tạo, bồi dưỡng đạt được sau khi hoàn thành (Thạc sỹ, Đại học, Cao đẳng, Chứng chỉ, Chứng nhận....)

Hoàn thành			8	5	3	1	1		3	3	1	0	0	1
Chưa hoàn thành														
7. Mĩ thuật	254	254		122	63	21	11		3	132	67	29	17	0
Hoàn thành tốt			240	120	61	19	9			120	62	28	1	
Hoàn thành			14	2	2	2	2		3	12	5	1	0	1
Chưa hoàn thành														
8. Thủ công, Kỹ thuật	254	254		122	63	21	11		3	132	67	29	17	0
Hoàn thành tốt			242	122	63	21	11			120	55	20	15	
Hoàn thành			12	0	0	0	0		3	12	12	9	2	1
Chưa hoàn thành														
9. Thể dục	254	254		122	63	21	11		3	132	67	29	17	0
Hoàn thành tốt			254	122	63	21	11			132	67	29	17	
Hoàn thành			0	0	0	0	0		3	0	0	0	0	1
Chưa hoàn thành														
10. Ngoại ngữ	254	254		122	63	21	11		3	132	67	29	17	0
Hoàn thành tốt			254	122	63	21	11			132	67	29	17	
Hoàn thành				0	0	0	0		3	0	0	0	0	1
Chưa hoàn thành														
11. Tin học	254	254		122	63	21	11		3	132	67	29	17	
Hoàn thành tốt			254	122	63	21	11			132	67	29	17	
Hoàn thành		0		0	0	0	0		3	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành														
12. Tiếng dân tộc														
Hoàn thành tốt														
Hoàn thành														
Chưa hoàn thành														
II. Năng lực														
Tự phục vụ tự quản	254	254		122	63	21	11		3	132	67	29	17	0
Tốt			150	118	59	20	10			132	67	29	17	
Đạt			4	4	4	1	1		3	0	0	0	0	
Cần cố gắng														
Hợp tác	254	254		122	63	21	11		3	132	67	29	17	0
Tốt			254	122	63	21	11			132	67	29	17	

[illegible]

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ- THLTT ngày 13 tháng 6 năm 2023 của trường Tiểu học Lý Thái Tổ)

Năm học:	Năm học: 2022-2023
Trường:	Tiểu học Lý Thái Tổ

1. Chất lượng giáo dục

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3							
			Trong tổng số				Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số							
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép		Khuyết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Lớp ghép	Khu vực	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khu vực	
I. Kết quả học tập																				
1. Tiếng Việt	384	384	145	70	34	14		1	117	62	17	9		2	122	67	30	14		4
Hoàn thành tốt		244	80	39	30	12			89	40	10	5			75	46	20	9		
Hoàn thành		138	65	31	4	2			27	11	7	4		1	46	20	10	5		3
Chưa hoàn thành									1	1				1	1	1				1
2. Toán	384	384	145	70	34	14		1	117	62	17	9		2	122	67	30	14		4
Hoàn thành tốt		263	69	51	25	10			107	50	10	6			87					
Hoàn thành		120	76	18	9	4			9	11	7	3		1	34					3
Chưa hoàn thành									1	1				1	1	1				1
3. Đạo đức	384	384	145	70	34	14		1	117	62	17	9		2	122	67	30	14		4
Hoàn thành tốt		350	125	60	30	12			106	55	14	7			119					
Hoàn thành		34	20	10	4	2			11	7	3	2		2	3					4
Chưa hoàn thành																				
4. Tự nhiên và Xã hội	384	384	145	70	34	14		1	117	62	17	9		2	122	67	30	14		4
Hoàn thành tốt		301	114	47	25	8			92	51	14	7			95					
Hoàn thành		83	31	23	9	6			25	11	3	2		2	27					4
Chưa hoàn thành																				
5. Nghệ thuật (Âm nhạc)	384	384	145	70	34	14		1	117	62	17	9		2	122	67	30	14		4
Hoàn thành tốt		333	128	42	27	9			105	50	14	6			100					
Hoàn thành		51	17	28	7	5			12	12	3	3		2	22					4
Chưa hoàn thành																				
6. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	384	384	145	70	34	14		1	117	62	17	9		2	122	67	30	14		4
Hoàn thành tốt		321	119	60	20	9			108	56	13	6			94					
Hoàn thành		63	26	10	14	5			9	6	4	3		2	28					4

[illegible]

Năng lực đặc thù																						
Ngôn ngữ	384	384	145	70	34	14				1	117	62	17	9			2	122	67	30	14	4
		333	120	49	25	9					105	56	13	6				108	58	14	10	
			51	25	21	9	5				12	6	4	3			2	14	9	6	4	4
Cần cố gắng																						
Tính toán	384	384	145	70	34	14				1	117	62	17	9			2	122	67	30	14	4
		323	110	42	22	8					109	58	15	8				104	55	20	10	
			61	35	28	12	6				8	4	2	1			2	18	12	10	4	4
Cần cố gắng																						
Tin học	384	384	145	70	34	14				1	117	62	17	9			2	122	67	30	14	4
																		109	60	25	10	
																		13	9	5	4	4
Cần cố gắng																						
Công nghệ	384	384	145	70	34	14				1	117	62	17	9			2	122	67	30	14	4
																		104	58	24	9	
																		18	9	6	5	
Cần cố gắng																						
Khoa học	384	384	145	70	34	14				1	117	62	17	9			2	122	67	30	14	4
																		115	53	22	8	
																		7	14	8	6	4
Cần cố gắng																						
Thẩm mĩ	384	384	145	70	34	14				1	117	62	17	9			2	122	67	30	14	4
																		118	57	23	10	
																		4	10	7	4	4
Cần cố gắng																						
Thể chất	384	384	145	70	34	14				1	117	62	17	9			2	122	67	30	14	4
																		122	67	30	14	
																		0	0	0	0	4
Cần cố gắng																						
III. Phẩm chất chủ yếu																						
Yêu nước	384	384	145	70	34	14				1	117	62	17	9			2	122	67	30	14	4
																		122	67	30	14	
																		0	0	0	0	4
Cần cố gắng																						
Nhân ái	384	384	145	70	34	14				1	117	62	17	9			2	122	67	30	14	4
																		122	67	30	14	
																		0	0	0	0	
Cần cố gắng																						
Đạt																						

Số: 26 /TB-LTT

Quận 8, ngày 31 tháng 08 năm 2023

THÔNG BÁO

**Về việc công bố công khai thu, chi ngân sách nhà nước, thu khác
Năm học 2022 - 2023 từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2023**

Thực hiện Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường Tiểu học Lý Thái Tổ thông báo công khai thu, chi ngân sách nhà nước, thu khác Năm học 2022 – 2023 từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2023 (theo các biểu đính kèm).

- Về hình thức:

- + Niêm yết tại bảng thông báo của đơn vị.
- + Công bố tại buổi họp cơ quan và có công khai đến từng CB, VC.
- + Đăng tải trên Webside của trường.

- Về thời gian:

- + Công khai: 30 ngày kể từ ngày 31/8/2023

Trên đây là thông báo công khai thu, chi ngân sách nhà nước, thu khác Năm học 2022 - 2023 từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2023 đến toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên của đơn vị ./.

Nơi nhận:

- BLĐ;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Quốc Bảo

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THÁI TỔ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47b/QĐ-LTT

Quận 8, ngày 31 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thu, chi nguồn ngân sách, nguồn khác năm học 2022-2023 của Trường Tiểu học Lý Thái Tổ (bổ sung)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống Giáo dục Quốc dân của Bộ Giáo dục ngày 27/12/2017;

Xét đề nghị của Hiệu Trưởng Trường Tiểu học Lý Thái Tổ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu, chi nguồn ngân sách, nguồn khác năm học 2022-2023 (bổ sung) của Trường Tiểu học Lý Thái Tổ (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng, kế toán và các bộ phận có liên quan thực hiện quyết định này.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Lưu : VT.

HIỆU TRƯỞNG



★Trần Quốc Bảo

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM HỌC 2022 - 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

(Từ tháng 09 năm 2022 đến tháng 08 năm 2023)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí và thu sự nghiệp, dịch vụ, hoạt động tài chính và thu hộ chi hộ	7.036.697.181	7.036.697.181		
3	Số thu từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	4.326.411.612	4.326.411.612		
3.1	Tổ chức Anh văn bán ngữ	295.900.000	295.900.000		
3.2	Tổ chức học Tin học tự chọn	249.828.000	249.828.000		
3.3	Tổ chức dạy Anh văn tự chọn (đề án)	410.127.500	410.127.500		
3.4	Chương trình học tiếng anh toán khoa (iSMART)	662.000.000	662.000.000		
3.5	Kỹ năng sống	446.220.000	446.220.000		
3.6	Tổ chức học tiếng hoa tăng cường	42.605.000	42.605.000		
3.7	Tổ chức học 2 buổi	342.072.500	342.072.500		
3.8	Tổ chức câu lạc bộ Em yêu tiếng Việt, Toán	88.720.000	88.720.000		
3.9	Tổ chức học Anh văn bổ trợ	858.125.000	858.125.000		
3.10	Vệ sinh bán trú	94.955.712	94.955.712		
3.11	Tổ chức phục vụ bán trú	666.340.000	666.340.000		
3.12	Thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú	169.517.900	169.517.900		
4	Hoạt động tài chính	1.933.618	1.933.618		
	Lãi tiền gửi ngân hàng	1.933.618	1.933.618		
5	Số thu từ nguồn thu hộ - chi hộ	2.708.351.951	2.708.351.951		
5.1	Tiền trích BHYT học sinh	24.435.120	24.435.120		
5.2	Tiền ăn bán trú	2.160.210.000	2.160.210.000		
5.3	Tiền ăn chi để kiểm tra	6.365.000	6.365.000		
5.4	Tiền học bạ	1.524.000	1.524.000		
5.5	Tiền BHYT học sinh	383.798.950	383.798.950		
5.6	Tiền nhà học đường	6.350.000	6.350.000		
5.7	Thu hộ chi hộ	125.668.881	125.668.881		
II	Chi từ nguồn phí, lệ phí, thu sự nghiệp, dịch vụ, thu hộ - chi hộ và hoạt động tài chính được khấu trừ hoặc để lại	4.308.183.412	4.308.183.412		
I	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ, thu hộ - chi hộ và hoạt động tài chính được khấu trừ hoặc để lại	4.308.183.412	4.308.183.412		
1.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	3.262.153.524	3.262.153.524		
1.1.1	Tổ chức Anh văn bán ngữ	220.853.232	220.853.232		
	Chi phí tiền lương, tiền công	20.760.400	20.760.400		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	986.990	986.990		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	199.105.842	199.105.842		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1.1.2	Tổ chức học Tin học tự chọn	145.994.555	145.994.555		
	Chi phí tiền lương, tiền công	44.630.584	44.630.584		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	53.856.000	53.856.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	47.507.971	47.507.971		
1.1.3	Tổ chức dạy Anh văn tự chọn (đề án)	314.378.073	314.378.073		
	Chi phí tiền lương, tiền công	37.947.445	37.947.445		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	7.262.028	7.262.028		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	269.168.600	269.168.600		
1.1.4	Chương trình học tiếng anh toán khoa(iSMART)	620.302.020	620.302.020		
	Chi phí tiền lương, tiền công	9.360.000	9.360.000		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	11.550.020	11.550.020		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	599.392.000	599.392.000		
1.1.5	Kỹ năng sống	309.708.280	309.708.280		
	Chi phí tiền lương, tiền công	26.897.100	26.897.100		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	3.484.680	3.484.680		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	279.326.500	279.326.500		
1.1.6	Tổ chức học tiếng hoa tăng cường	20.373.104	20.373.104		
	Chi phí tiền lương, tiền công	7.336.104	7.336.104		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	11.077.000	11.077.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	1.960.000	1.960.000		
1.1.7	Tổ chức học 2 buổi	210.108.418	210.108.418		
	Chi phí tiền lương, tiền công	77.098.833	77.098.833		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	10.216.914	10.216.914		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	122.792.671	122.792.671		
1.1.8	Tổ chức câu lạc bộ Em yêu tiếng Việt, Toán	81.172.946	81.172.946		
	Chi phí tiền lương, tiền công	72.012.000	72.012.000		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	9.160.946	9.160.946		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	0	0		
1.1.9	Tổ chức học Anh văn bổ trợ	728.131.700	728.131.700		
	Chi phí tiền lương, tiền công	88.413.500	88.413.500		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	4.240.000	4.240.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	635.478.200	635.478.200		
1.1.10	Vệ sinh bán trú	59.319.556	59.319.556		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	59.319.556	59.319.556		
1.1.11	Tổ chức phục vụ bán trú	438.889.740	438.889.740		
	Chi phí tiền lương, tiền công	376.856.790	376.856.790		
	BHXX, BHYT, BHTN, KPCĐ	62.032.950	62.032.950		
1.1.12	Trang thiết bị vật dụng bán trú	112.921.900	112.921.900		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	112.921.900	112.921.900		
1.2	Hoạt động tài chính	0	0		
1.2.1	Lãi tiền gửi ngân hàng	0	0		
1.3	Số chi từ nguồn thu hộ - chi hộ	1.046.029.888	1.046.029.888		
1.3.1	Tiền trích BHYT học sinh	15.599.000	15.599.000		
1.3.2	Tiền ăn bán trú	764.071.446	764.071.446		
1.3.3	Tiền ăn chi để kiểm tra	2.844.600	2.844.600		
1.3.4	Tiền học bạ	6.346.000	6.346.000		
1.3.5	Tiền BHYT học sinh	228.470.890	228.470.890		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1.3.6	Tiền nhà học đường	9.500.000	9.500.000		
1.3.7	Thu hộ chi hộ	19.197.952	19.197.952		
C	SỐ THU NỘP NSNN	59.377.122	59.377.122		
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
2	Hoạt động thu sự nghiệp, dịch vụ	59.377.122	59.377.122		
	Nộp 2% thuế doanh thu	49.842.460	49.842.460		
3	Thuế thu nhập cá nhân	9.534.662	9.534.662		
II	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	6.466.160.009	6.466.160.009		
3	<i>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</i>	6.466.160.009	6.466.160.009		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.137.062.075	4.137.062.075		
	NGUỒN KINH PHÍ: 13	3.714.913.977	3.714.913.977		
	Tiền lương	1.417.690.598	1.417.690.598		
	Lương theo ngạch, bậc	1.417.690.598	1.417.690.598		
	Phụ cấp lương	806.473.952	806.473.952		
	Phụ cấp chức vụ	28.310.004	28.310.004		
	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	58.537.036	58.537.036		
	Phụ cấp ưu đãi nghề	493.943.986	493.943.986		
	PC trách nhiệm theo nghề, công việc	1.788.000	1.788.000		
	PC thâm niên nghề, PC thâm niên vượt khung	223.894.926	223.894.926		
	Các khoản đóng góp	446.514.831	446.514.831		
	Bảo hiểm xã hội	332.511.054	332.511.054		
	Bảo hiểm y tế	57.001.887	57.001.887		
	Kinh phí công đoàn	38.001.262	38.001.262		
	Bảo hiểm thất nghiệp	19.000.628	19.000.628		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	349.701.400	349.701.400		
	Chênh lệch thu nhập theo cơ chế khoán tự chủ	244.400.000	244.400.000		
	Trợ cấp, phụ cấp khác	105.301.400	105.301.400		
	Thanh toán dịch vụ công cộng	127.729.951	127.729.951		
	Thanh toán tiền điện	76.507.626	76.507.626		
	Thanh toán tiền nước	46.880.505	46.880.505		
	Tiền vệ sinh, môi trường	4.341.820	4.341.820		
	Vật tư văn phòng	7.992.500	7.992.500		
	Văn phòng phẩm	7.387.500	7.387.500		
	Vật tư văn phòng khác	605.000	605.000		
	Thông tin tuyên truyền liên lạc	15.637.031	15.637.031		
	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	141.031	141.031		
	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	0	0		
	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	15.496.000	15.496.000		
	Công tác phí	22.600.000	22.600.000		
	Khoản công tác phí	22.600.000	22.600.000		
	Chi phí thuê mướn	269.944.994	269.944.994		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
	Chi thuê lao động trong nước	269.944.994	269.944.994		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	1.430.000	1.430.000		
	Các thiết bị công nghệ thông tin	1.430.000	1.430.000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	28.667.000	28.667.000		
	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	0	0		
	Chi khác	28.667.000	28.667.000		
	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	162.941.432	162.941.432		
	Chi lập quỹ phúc lợi	130.353.146	130.353.146		
	Chi lập quỹ khen thưởng	16.294.143	16.294.143		
	Chi lập quỹ phát triển hoạt động SN	16.294.143	16.294.143		
	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	57.590.288	57.590.288		
	Chi hỗ trợ khác	57.590.288	57.590.288		
	NGUỒN KINH PHÍ: 14	422.148.098	422.148.098		
	Tiền lương	401.544.570	401.544.570		
	Lương theo ngạch, bậc	401.544.570	401.544.570		
	Phụ cấp lương	13.330.465	13.330.465		
	Phụ cấp chức vụ	9.908.500	9.908.500		
	Phụ cấp ưu đãi nghề	0	0		
	PC trách nhiệm theo nghề, công việc	31.000	31.000		
	PC thâm niên nghề, PC thâm niên vượt khung	3.390.965	3.390.965		
	Các khoản đóng góp	7.273.063	7.273.063		
	Bảo hiểm xã hội	5.416.109	5.416.109		
	Bảo hiểm y tế	928.477	928.477		
	Kinh phí công đoàn	618.984	618.984		
	Bảo hiểm thất nghiệp	309.493	309.493		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	-		
	Chi khác	0	0		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.751.246.032	2.751.246.032		
	NGUỒN KINH PHÍ: 12	754.226.272	754.226.272		
	Tiền lương	148.484.458	148.484.458		
	Lương theo ngạch, bậc	148.484.458	148.484.458		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	8.963.604	8.963.604		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	8.963.604	8.963.604		
	Phụ cấp lương	276.933.039	276.933.039		
	Phụ cấp chức vụ	12.664.996	12.664.996		
	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	67.022.387	67.022.387		
	Phụ cấp ưu đãi nghề	193.891.755	193.891.755		
	PC trách nhiệm theo nghề, công việc	16.092.000	16.092.000		
	PC thâm niên nghề, PC thâm niên vượt khung	-12.738.099	-12.738.099		
	Học bổng học sinh, sinh viên	47.850.000	47.850.000		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	47.850.000	47.850.000		
	Các khoản đóng góp	28.886.918	28.886.918		
	Bảo hiểm xã hội	21.581.235	21.581.235		
	Bảo hiểm y tế	3.699.645	3.699.645		
	Kinh phí công đoàn	2.372.821	2.372.821		
	Bảo hiểm thất nghiệp	1.233.217	1.233.217		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	15.795.700	15.795.700		
	Chênh lệch thu nhập theo cơ chế khoán tự chủ	0	0		
	Trợ cấp phụ cấp khác	15.795.700	15.795.700		
	Thanh toán dịch vụ công cộng	40.143.651	40.143.651		
	Thanh toán tiền điện	5.449.061	5.449.061		
	Thanh toán tiền nước	29.523.680	29.523.680		
	Tiền vệ sinh, môi trường	5.170.910	5.170.910		
	Vật tư văn phòng	14.499.200	14.499.200		
	Văn phòng phẩm	10.470.200	10.470.200		
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	4.029.000	4.029.000		
	Thông tin tuyên truyền liên lạc	1.330.539	1.330.539		
	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	207.539	207.539		
	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	3.168.000	3.168.000		
	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	-2.045.000	-2.045.000		
	Khoản công tác phí	1.500.000	1.500.000		
	Khoản công tác phí	1.500.000	1.500.000		
	Chi phí thuê mướn	9.786.206	9.786.206		
	Chi phí thuê mướn khác	9.786.206	9.786.206		
	S/c tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bồi dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng	3.129.500	3.129.500		
	Các thiết bị công nghệ thông tin	3.129.500	3.129.500		
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	0	0		
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	73.499.145	73.499.145		
	Tài sản và thiết bị khác	73.499.145	73.499.145		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	136.779.600	136.779.600		
	Chi mua hàng hoá, vật tư	89.189.000	89.189.000		
	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	2.200.000	2.200.000		
	Chi phí khác	45.390.600	45.390.600		
	Chi khác	4.235.000	4.235.000		
	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	4.235.000	4.235.000		
	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	(57.590.288)	(57.590.288)		
	Chi hỗ trợ khác	-57.590.288	-57.590.288		
	NGUỒN KINH PHÍ: 14	1.997.019.760	1.997.019.760		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	1.997.019.760	1.997.019.760		
	Trợ cấp phụ cấp khác	1.997.019.760	1.997.019.760		

Kế toán



Nguyễn Thị Diễm Trang

Hiệu trưởng



Trần Quốc Bảo

Số: 22b/TB-LTT

Quận 8, ngày 27 tháng 06 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai thu, chi ngân sách nhà nước, thu khác Năm học 2022 - 2023 của Trường Tiểu học Lý Thái Tổ

Thực hiện Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường Tiểu học Lý Thái Tổ thông báo công khai thu, chi ngân sách nhà nước, thu khác Năm học 2022 - 2023 (theo các biểu đính kèm).

- Về hình thức:

- + Niêm yết tại bảng thông báo của đơn vị.
- + Công bố tại buổi họp cơ quan và có công khai đến từng CB, VC.
- + Đăng tải trên Webside của trường.

- Về thời gian:

- + Công khai: 30 ngày kể từ ngày 02/6/2023

Trên đây là thông báo công khai thu, chi ngân sách nhà nước, thu khác Năm học 2022 - 2023 đến toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên của đơn vị ./.

Nơi nhận:

- BLD;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Quốc Bảo

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THÁI TỔ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29b/QĐ-LTT

Quận 8, ngày 02 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thu, chi nguồn ngân sách, nguồn khác năm học 2022-2023 của Trường Tiểu học Lý Thái Tổ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống Giáo dục Quốc dân của Bộ Giáo dục ngày 27/12/2017;

Xét đề nghị của Hiệu Trưởng Trường Tiểu học Lý Thái Tổ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu, chi nguồn ngân sách, nguồn khác năm học 2022-2023 của Trường Tiểu học Lý Thái Tổ (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng, kế toán và các bộ phận có liên quan thực hiện quyết định này.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Lưu : VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Quốc Bảo

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM HỌC 2022 - 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

(Từ tháng 09 năm 2022 đến tháng 05 năm 2023)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí và thu sự nghiệp, dịch vụ, hoạt động tài chính và thu hộ chi hộ	6.924.257.933	6.924.257.933		
3	Số thu từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	4.276.756.612	4.276.756.612		
3.1	Tổ chức Anh văn bản ngữ	291.950.000	291.950.000		
3.2	Tổ chức học Tin học tự chọn	247.678.000	247.678.000		
3.3	Tổ chức dạy Anh văn tự chọn (đề án)	405.252.500	405.252.500		
3.4	Chương trình học tiếng anh toán khoa (iSMART)	655.000.000	655.000.000		
3.5	Kỹ năng sống	440.700.000	440.700.000		
3.6	Tổ chức học tiếng hoa tăng cường	42.605.000	42.605.000		
3.7	Tổ chức học 2 buổi	336.177.500	336.177.500		
3.8	Tổ chức câu lạc bộ Em yêu tiếng Việt, Toán	84.960.000	84.960.000		
3.9	Tổ chức học Anh văn bổ trợ	846.000.000	846.000.000		
3.10	Vệ sinh bán trú	94.355.712	94.355.712		
3.11	Tổ chức phục vụ bán trú	662.860.000	662.860.000		
3.12	Thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú	169.217.900	169.217.900		
4	Hoạt động tài chính	1.624.456	1.624.456		
	Lãi tiền gửi ngân hàng	1.624.456	1.624.456		
5	Số thu từ nguồn thu hộ - chi hộ	2.645.876.865	2.645.876.865		
5.1	Tiền trích BHYT học sinh	22.485.139	22.485.139		
5.2	Tiền ăn bán trú	2.146.110.000	2.146.110.000		
5.3	Tiền ăn chi để kiểm tra	6.325.000	6.325.000		
5.4	Tiền học bạ	1.524.000	1.524.000		
5.5	Tiền BHYT học sinh	341.567.845	341.567.845		
5.6	Tiền nhà học đường	6.330.000	6.330.000		
5.7	Thu hộ chi hộ	121.534.881	121.534.881		
II	Chi từ nguồn phí, lệ phí, thu sự nghiệp, dịch vụ, thu hộ - chi hộ và hoạt động tài chính được khấu trừ hoặc để lại	3.289.420.689	3.289.420.689		
I	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ, thu hộ - chi hộ và hoạt động tài chính được khấu trừ hoặc để lại	3.289.420.689	3.289.420.689		
1.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	2.267.712.801	2.267.712.801		
1.1.1	Tổ chức Anh văn bản ngữ	181.753.232	181.753.232		
	Chi phí tiền lương, tiền công	8.065.400	8.065.400		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	886.990	886.990		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	172.800.842	172.800.842		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1.1.2	Tổ chức học Tin học tự chọn	104.912.673	104.912.673		
	Chi phí tiền lương, tiền công	23.464.742	23.464.742		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	44.506.000	44.506.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	36.941.931	36.941.931		
1.1.3	Tổ chức dạy Anh văn tự chọn (đề án)	265.627.073	265.627.073		
	Chi phí tiền lương, tiền công	22.187.445	22.187.445		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	7.262.028	7.262.028		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	236.177.600	236.177.600		
1.1.4	Chương trình học tiếng anh toán khoa(iSMART)	525.915.600	525.915.600		
	Chi phí tiền lương, tiền công	9.360.000	9.360.000		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	6.793.600	6.793.600		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	509.762.000	509.762.000		
1.1.5	Kỹ năng sống	255.928.600	255.928.600		
	Chi phí tiền lương, tiền công	13.935.600	13.935.600		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	1.680.000	1.680.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	240.313.000	240.313.000		
1.1.6	Tổ chức học tiếng hoa tăng cường	17.345.104	17.345.104		
	Chi phí tiền lương, tiền công	4.836.104	4.836.104		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	10.549.000	10.549.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	1.960.000	1.960.000		
1.1.7	Tổ chức học 2 buổi	170.328.419	170.328.419		
	Chi phí tiền lương, tiền công	37.318.834	37.318.834		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	10.216.914	10.216.914		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	122.792.671	122.792.671		
1.1.8	Tổ chức câu lạc bộ Em yêu tiếng Việt, Toán	30.576.000	30.576.000		
	Chi phí tiền lương, tiền công	30.576.000	30.576.000		
1.1.9	Tổ chức học Anh văn bổ trợ	602.404.200	602.404.200		
	Chi phí tiền lương, tiền công	48.051.000	48.051.000		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	4.240.000	4.240.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, khác	550.113.200	550.113.200		
1.1.10	Vệ sinh bán trú	51.834.556	51.834.556		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	51.834.556	51.834.556		
1.1.11	Tổ chức phục vụ bán trú	393.641.190	393.641.190		
	Chi phí tiền lương, tiền công	342.535.590	342.535.590		
	BHXX, BHYT, BHTN, KPCD	51.105.600	51.105.600		
1.1.12	Trang thiết bị vật dụng bán trú	112.921.900	112.921.900		
	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	112.921.900	112.921.900		
1.2	Hoạt động tài chính	0	0		
1.2.1	Lãi tiền gửi ngân hàng	0	0		
1.3	Số chi từ nguồn thu hộ - chi hộ	1.021.707.888	1.021.707.888		
1.3.1	Tiền trích BHYT học sinh	15.599.000	15.599.000		
1.3.2	Tiền ăn bán trú	750.229.446	750.229.446		
1.3.3	Tiền ăn chi để kiểm tra	2.844.600	2.844.600		
1.3.4	Tiền học bạ	6.346.000	6.346.000		
1.3.5	Tiền BHYT học sinh	226.602.180	226.602.180		
1.3.6	Tiền nha học đường	6.310.000	6.310.000		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1.3.7	Thu hộ chi hộ	13.776.662	13.776.662		
C	SỐ THU NỘP NSNN	59.377.122	59.377.122		
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
2	Hoạt động thu sự nghiệp, dịch vụ	59.377.122	59.377.122		
	Nộp 2% thuế doanh thu	49.842.460	49.842.460		
3	Thuế thu nhập cá nhân	9.534.662	9.534.662		
II	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	5.101.855.023	5.101.855.023		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	5.101.855.023	5.101.855.023		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.712.743.067	3.712.743.067		
	NGUỒN KINH PHÍ: 13	3.712.743.067	3.712.743.067		
	Tiền lương	1.417.690.598	1.417.690.598		
	Lương theo ngạch, bậc	1.417.690.598	1.417.690.598		
	Phụ cấp lương	806.473.952	806.473.952		
	Phụ cấp chức vụ	28.310.004	28.310.004		
	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	58.537.036	58.537.036		
	Phụ cấp ưu đãi nghề	493.943.986	493.943.986		
	PC trách nhiệm theo nghề, công việc	1.788.000	1.788.000		
	PC thâm niên nghề, PC thâm niên vượt khung	223.894.926	223.894.926		
	Các khoản đóng góp	446.514.831	446.514.831		
	Bảo hiểm xã hội	332.511.054	332.511.054		
	Bảo hiểm y tế	57.001.887	57.001.887		
	Kinh phí công đoàn	38.001.262	38.001.262		
	Bảo hiểm thất nghiệp	19.000.628	19.000.628		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	349.701.400	349.701.400		
	Chênh lệch thu nhập theo cơ chế khoán tự chủ	244.400.000	244.400.000		
	Trợ cấp, phụ cấp khác	105.301.400	105.301.400		
	Thanh toán dịch vụ công cộng	123.388.131	123.388.131		
	Thanh toán tiền điện	76.507.626	76.507.626		
	Thanh toán tiền nước	46.880.505	46.880.505		
	Tiền vệ sinh, môi trường	4.341.820	4.341.820		
	Vật tư văn phòng	7.992.500	7.992.500		
	Văn phòng phẩm	7.387.500	7.387.500		
	Vật tư văn phòng khác	605.000	605.000		
	Thông tin tuyên truyền liên lạc	15.637.031	15.637.031		
	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	141.031	141.031		
	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	15.496.000	15.496.000		
	Công tác phí	22.600.000	22.600.000		
	Khoản công tác phí	22.600.000	22.600.000		
	Chi phí thuê mướn	269.944.994	269.944.994		
	Chi thuê lao động trong nước	269.944.994	269.944.994		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	1.430.000	1.430.000		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
	Các thiết bị công nghệ thông tin	1.430.000	1.430.000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	28.667.000	28.667.000		
	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	0	0		
	Chi khác	28.667.000	28.667.000		
	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	162.941.432	162.941.432		
	Chi lập quỹ phúc lợi	130.353.146	130.353.146		
	Chi lập quỹ khen thưởng	16.294.143	16.294.143		
	Chi lập quỹ phát triển hoạt động SN	16.294.143	16.294.143		
	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	57.590.288	57.590.288		
	Chi hỗ trợ khác	57.590.288	57.590.288		
	NGUỒN KINH PHÍ: 14	0	0		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.389.111.956	1.389.111.956		
	NGUỒN KINH PHÍ: 12	(67.041.542)	(67.041.542)		
	Tiền lương	(253.060.112)	(253.060.112)		
	Lương theo ngạch, bậc	-253.060.112	-253.060.112		
	Phụ cấp lương	74.576.695	74.576.695		
	Phụ cấp chức vụ	2.756.496	2.756.496		
	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	67.022.387	67.022.387		
	Phụ cấp ưu đãi nghề	67.022.387	67.022.387		
	PC trách nhiệm theo nghề, công việc	-447.000	-447.000		
	PC thâm niên nghề, PC thâm niên vượt khung	-61.777.575	-61.777.575		
	Học bổng học sinh, sinh viên	21.600.000	21.600.000		
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	21.600.000	21.600.000		
	Các khoản đóng góp	(80.023.345)	(80.023.345)		
	Bảo hiểm xã hội	-59.004.963	-59.004.963		
	Bảo hiểm y tế	-10.115.132	-10.115.132		
	Kinh phí công đoàn	-7.531.539	-7.531.539		
	Bảo hiểm thất nghiệp	-3.371.711	-3.371.711		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	(3.017.600)	(3.017.600)		
	Trợ cấp phụ cấp khác	-3.017.600	-3.017.600		
	Thanh toán dịch vụ công cộng	26.958.648	26.958.648		
	Thanh toán tiền điện	-5.365.032	-5.365.032		
	Thanh toán tiền nước	29.523.680	29.523.680		
	Tiền vệ sinh, môi trường	2.800.000	2.800.000		
	Vật tư văn phòng	9.070.200	9.070.200		
	Văn phòng phẩm	9.070.200	9.070.200		
	Thông tin tuyên truyền liên lạc	1.240.621	1.240.621		
	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	117.621	117.621		
	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	3.168.000	3.168.000		
	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	-2.045.000	-2.045.000		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
	Khoản công tác phí	- 4.500.000	- 4.500.000		
	Khoản công tác phí	-4.500.000	-4.500.000		
	Chi phí thuê mướn	(17.104.606)	(17.104.606)		
	Chi phí thuê mướn khác	-17.104.606	-17.104.606		
	S/c tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bồi dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng	3.129.500	3.129.500		
	Các thiết bị công nghệ thông tin	3.129.500	3.129.500		
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	73.499.145	73.499.145		
	Tài sản và thiết bị khác	73.499.145	73.499.145		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	136.779.600	136.779.600		
	Chi mua hàng hoá, vật tư	89.189.000	89.189.000		
	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	2.200.000	2.200.000		
	Chi phí khác	45.390.600	45.390.600		
	Chi khác	1.400.000	1.400.000		
	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	1.400.000	1.400.000		
	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	(57.590.288)	(57.590.288)		
	Chi hỗ trợ khác	-57.590.288	-57.590.288		
	NGUỒN KINH PHÍ: 14	1.456.153.498	1.456.153.498		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	1.456.153.498	1.456.153.498		
	Trợ cấp phụ cấp khác	1.456.153.498	1.456.153.498		

Kế toán



Nguyễn Thị Diễm Trang

Hiệu trưởng



Trần Quốc Bảo

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN KHÁC
NĂM HỌC 2022 -2023 (từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2023)**

Hôm nay, vào lúc 9 giờ 30 ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại Trường Tiểu học Lý Thái Tổ, chúng tôi gồm có:

- Ông: Trần Quốc Bảo – Hiệu trưởng
- Bà: Huỳnh Phúc Nguyên – Phó hiệu trưởng - Chủ tịch Công đoàn
- Bà: Nguyễn Thị Diễm Trang - Kế toán
- Bà: Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư kí

Đại diện Thanh tra nhân dân

- Bà: Nguyễn Thị Thu Thanh

Cùng tiến hành lập biên bản về việc niêm yết công khai thu, chi ngân sách nhà nước, nguồn khác năm học 2022 – 2023 (từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2023) như sau:

Nội dung:

- I. Thu sự nghiệp (Thu thoả thuận, dịch vụ và thu hộ chi hộ):
 1. Số thu: 7.036.697.181 đồng
 2. Số chi: 4.308.183.412 đồng
 3. Nộp thuế nộp NSNN: 59.377.122 đồng
- II. Nguồn ngân sách nhà nước cấp: 6.466.160.009 đồng
 1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên: 3.714.913.977 đồng
 2. Nguồn kinh phí chi không thường xuyên: 2.751.246.032 đồng

Thời gian niêm yết công khai: ngày 31 tháng 8 năm 2023

Thời gian kết thúc việc niêm yết: ngày 30 tháng 9 năm 2023 (30 ngày theo điểm b khoản 1 Điều 15 của Luật Ngân sách nhà nước 2015).

Sau 30 ngày thực hiện niêm yết công khai thu, chi ngân sách nhà nước, nguồn khác năm học 2022 - 2023(từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2023) tại bản tin công khai tài chính, Trường Tiểu học Lý Thái Tổ sẽ tiến hành lập biên bản kết thúc niêm yết công khai.

Biên bản lập xong hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

Thư kí



Nguyễn Thị Ánh Linh



HIỆU TRƯỞNG

Trần Quốc Bảo